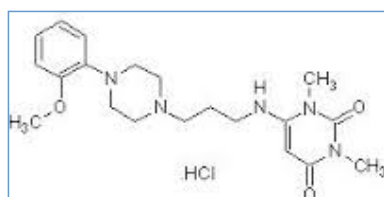


Stabilis



Urapidil



Tên thương mại

Ebrantil	Áo, Ba Lan, Bỉ, Hà Lan, Hungary, Luxembourg, Romania, Thụy Sĩ, Ý, Đức
Elgadil	Tây Ban Nha
Eupressyl	Pháp
Tachyben	Argentina, Chile, Romania
Urapidil	Tây Ban Nha, Ý, Đức
Urasap	Ý
Uratens	Hungary



Tính ổn định của các dung dịch

		1,6 mg/ml	25°C		10				3881
		3,3 mg/ml	25°C		10				3881



Độ ổn định khi trộn lẫn

		2 mg/ml	2-8°C		Papaverine hydrochloride : 15 mg/ml Alprostadil : 15 µg/ml	55			3448



Những yếu tố ảnh hưởng đến độ ổn định

				4065
--	--	--	--	------



Khả năng tương thích

				3823
		Urapidil : 5 mg/ml Amiodarone hydrochloride : 15 mg/ml		

		Urapidil Amiodarone hydrochloride		3464
		Urapidil : 5 mg/ml Atenolol : 0,1 mg/ml		4698
		Urapidil : 5 mg/ml Cefepime dihydrochloride : 125 mg/ml		2141
		Urapidil : 5 mg/ml Ceftazidime : 83.3 mg/ml		1759
		Urapidil : 5 mg/ml Ceftazidime : 125 mg/ml		2141
		Urapidil : 2 & 5 mg/ml Clonidine hydrochloride : 0.009 & 0.03 mg/ml		4130
		Urapidil Furosemide		3465
		Urapidil : 5 mg/ml Furosemide : 10 mg/ml		3134
		Urapidil		3881
		Urapidil : 5 mg/ml Clonidine hydrochloride : 0,0125 mg/ml		4698
		Urapidil : 5 mg/ml Esmolol hydrochloride : 10 mg/ml		3823
		Urapidil : 5 mg/ml Furosemide : 10 mg/ml		3463
		Urapidil : 5 mg/ml Furosemide : 10 mg/ml		3823
		Urapidil : 5 mg/ml Haloperidol lactate : 0.5 mg/ml		3823
		Urapidil : 5 mg/ml Heparin sodium : 500 UI/ml		3823
		Urapidil : 5 mg/ml Insulin : 2 UI/ml		3823
		Urapidil : 5 mg/ml Labetalol hydrochloride : 4 mg/ml		3823
		Urapidil : 5 mg/ml Midazolam hydrochloride : 2.1 mg/ml		3823
		Urapidil : 5 mg/ml Nitroglycerin : 0.2 mg/ml		3823
		Urapidil Sodium bicarbonate		4065
		Urapidil : 5 mg/ml Sodium bicarbonate : 84 mg/ml		3212
		Urapidil Sodium bicarbonate		3466
		Urapidil : 5 mg/ml Sodium bicarbonate : 84 mg/ml		3823
		Urapidil : 5 mg/ml Temocilline : 83.33 mg/ml		2231
		Urapidil : 5 mg/ml Tirofiban : 250 µg/ml		3823
		Urapidil : 5 mg/ml Vancomycin hydrochloride : 10 mg/ml		3385
		Urapidil		4065



Tài liệu tham khảo

	Loại	Nguồn
1759	Tạp chí	Servais H, Tulkens PM. Stability and compatibility of ceftazidime administered by continuous infusion to intensive care patients. Antimicrob Agents Chemother 2001 ; 45: 2643-2647.
2141	Tạp chí	Barinian N, Chanteux H, Viaene E, Servais H, Tulkens PM. Stability and compatibility study of cefepime in comparaison with ceftazidime for potential administration by continuous infusion under conditions pertinent to ambulatory treatment of cystic fibrosis patients and to administration in intensive care units. J Antimicrob Chemother 2003 ; 51: 651-658.
2231	Tạp chí	de Jongh R, Hens R, Basma V, mouton JW, Tulkens PM, Carryn S. Continuous versus intermittent infusion of temocillin, a directed spectrum penicillin for intensive care patients with nosocomial pneumonia: stability, compatibility, population pharmacokinetic studies and breakpoint selection. J Antimicrob Chemother 2008 ; 61, 2: 382-388.
3134	Tạp chí	Perez Jua En, Maqueda Palau M, Arévalo Rubert Mt, Ribas Nicolau B, Amoros Cerdà SM. Compatibilidad visual y física de la furosemida en mezclas intravenosas para perfusión continua. Enferm Intensiva 2010 ; 21: 96-103.
3212	Tạp chí	Ribas Nicolau, B.; P?rez Juan, E.; Amor?s Cerd?, S.M.; Ar?valo Rubert, M.J.; Maqueda Palau, M. Compatibilidad física del bicarbonato sódico con fármacos de uso frecuente en la unidad de cuidados intensivos. Enferm Intensiva 2011 ;22:78-82.
3385	Tạp chí	Raverdi V, Ampe E, Hecq JD, Tulkens PM. Stability and compatibility of vancomycin for administration by continuous infusion. J Antimicrob Chemother 2013 ; 68: 1179-1182.
3448	Tạp chí	Vieillard V, Eychenne N, Astier A, Yiou R, Deffaux C, Paul M. Physicochemical stability study of a new Trimix formulation for treatment of erectile dysfunction. Ann Pharm Fr 2013 ; 71, 5: 358-363.
3463	Tạp chí	Eva Perez Juan, Maria Jos? Arévalo Rubert , Silvia Monica Amoros Cerda , Palau M.M, Nicolau B.R. Fármacos en perfusión continua en la unidad de cuidados intensivos: estudio de compatibilidad. Nursing 2011 ; 29 :62-6
3464	Tạp chí	Monica Maqueda-Palau, Eva Pérez-Juan, Maria Josep Arévalo-Rubert, Sylvia Monica Amoros-Cerda, Bàrbara Ribas-Nicolau. Compatibilidad física de la amiodarona en perfusión continua Enferm Clin 2011 21:25-29.
3465	Tạp chí	E. P?rez Juan, M. Maqueda Palau, M. Ar?valo Rubert, B. Ribas Nicolau, S.M. Amor?s Cerd?. Compatibilidad visual y física de la furosemida en mezclas intravenosas para perfusión continua. Enferm Intensiva 2010 ;21:96-103.
3466	Tạp chí	B. Ribas Nicolau, E. P?rez Juan, S.M. Amor?s Cerd?, M.J. Ar?valo Rubert, M. Maqueda Palau. Compatibilidad física del bicarbonato sódico con fármacos de uso frecuente en la unidad de cuidados intensivos Enferm Intensiva 2011 ;22:78-82.
3823	Tạp chí	Juan E.P, Palau M.M, Cerd? S.A, Rubert M.A, Nicolau B.R. Compatibilité physique de médicaments administrés dans l'unité de soins intensifs Pharmactuel 2015 ; 48, 3 : 146-152.

3881	Tạp chí	Tomasello C, Leggieri A, Rabbia F, Veglio F, Baietto L, Fulcheri C, De Nicol? A, De Perri G, D'Avolio A. Physical and Chemical Stability of Urapidil in 0.9% Sodium Chloride in Elastomeric Infusion Pump. Int J Pharm Compound 2016 ; 20, 4 : 343-346
4065	Thông tin của nhà sản xuất	Urapidil (Eupressyl® - résumé des caractéristiques du produit) Mylan 2018
4130	Tạp chí	Koller AK, Krebs S, Dörje F. Untersuchungen zur Kompatibilität von Clonidin mit häufig eingesetzten Arzneimittel auf Intensivstationen. Pharmaceutics 2021 , 13, 21.
4698	Tạp chí	Ayari G, D'Huart E, Vigneron J, Demoré B. Y-site compatibility of intravenous medications commonly used in intensive care units : laboratory tests on 75 mixtures involving nine main drugs. Pharmaceutical Technology in Hospital Pharmacy 2022 ; 7(1): 20220002



T_đ điển

	Thuốc hạ huyết áp		Dạng tiêm
	Tên thương mại		Tính ổn định của các dung dịch
	Bao bì		Phân tử
	Nồng độ		Nhiệt độ
	Bảo quản		Thời gian ổn định
	biosimilar		dị liệu mâu thuẫn
	Mục lục		Chất đàn hồi silicone
	NaCl 0,9%		Tránh ánh sáng
	Ngày		Độ ổn định khi trộn lẫn
	Dung môi		Phân tử
	Nhựa polypropylen		Những yếu tố ảnh hưởng đến độ ổn định
	NaHCO ₃		Tạo thành
	Phân hủy		Khả năng tương thích
	Tương thích		Glucose 5%
	Nồng độ cất pha tiêm		Không tương thích không xác định
	Không tương thích		Không
	Lưu ý ngay lập tức		NaCl 0,9% hoặc Glucose 5%
	Đóng dùng		Tiêm tĩnh mạch
	Truyền tĩnh mạch		Truyền liên tục
	Tài liệu tham khảo		T _đ điển